TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **817**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2019
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Ngọc N**, sinh năm: 1991.
Địa chỉ: , phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng D**, sinh năm: 1986.
Địa chỉ:, xã H, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

(bà Nhi và ông D vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được – nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N trình bày: bà và ông Nguyễn Hoàng D chung sống với nhau từ năm 2011, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2013. Thời gian đầu ông bà chung sống bình thường, không có gì xảy ra. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc,

ông D không quan tâm đến cuộc sống gia đình, ông D không có trách nhiệm với vợ con, bà và ông D đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.bà N đã nhiều lần cố gắng bỏ qua để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng vẫn không thay đổi. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng D.

Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc N và ông Nguyễn Hoàng D có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Đăng Kh, sinh ngày: 05/01/2013 và Nguyễn Hoàng Đăng K, sinh ngày: 11/9/2015. Hiện trẻ Kh đang sống với ông D và trẻ K đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà đồng ý giao trẻ Kh cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ K, hai bên không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:bà N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:bà N xác nhận không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng D vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt trực tiếp hợp lệ nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Ngọc N nộp đơn xin ly hôn đối với ông Nguyễn Hoàng D. Ông Nguyễn Hoàng D hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Nguyễn Hoàng D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hoàng D theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Ngọc N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặtbà N theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Nguyễn Hoàng D đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Nguyễn Ngọc N và ông Nguyễn Hoàng D nhưng ông D không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông Nguyễn Hoàng D tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông

Nguyễn Hoàng D phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/7/2013 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc N và ông Nguyễn Hoàng D là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông D không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày củabà N thì giữa bà và ông D bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Như vậy vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông D cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc N đối với ông Nguyễn Hoàng D.

[6] Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc N và ông Nguyễn Hoàng D 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Đăng Kh, sinh ngày: 05/01/2013 và Nguyễn Hoàng Đăng K, sinh ngày: 11/9/2015. Sau khi ly hôn,bà N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hoàng Đăng K và đồng ý giao trẻ Nguyễn Hoàng Đăng Kh cho ông D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do ông D vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về con chung giữa ông vàbà N nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu củabà N, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao trẻ Nguyễn Hoàng Đăng K chobà N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ Nguyễn Hoàng Đăng Kh cho ông D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành và hai bên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông D vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về tài sản chung, nợ chung giữa ông vớibà N nên Hội đồng xét xử chỉ xem

xét, giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung theo yêu cầu củabà N, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc N đối với ông Nguyễn Hoàng D.

Bà Nguyễn Ngọc N được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/7/2013 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc N và ông Nguyễn Hoàng D có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Đăng Kh, sinh ngày: 05/01/2013 và Nguyễn Hoàng Đăng K, sinh ngày: 11/9/2015. Giao trẻ Nguyễn Hoàng Đăng K cho bà Nguyễn Ngọc N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ K đối với ông Nguyễn Hoàng D; giao trẻ Nguyễn Hoàng Đăng Kh cho ông Nguyễn Hoàng D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Kh đối với bà Nguyễn Ngọc N.

Bà Nguyễn Ngọc N và ông Nguyễn Hoàng D có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc

gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung:bà N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc N chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) màbà N đã nộp theo biên lai thu số 0021139 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 3.bà N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định